TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH** Số: 86 /2019/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Yên Khánh, ngày 17 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 116/2019/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- Nguyên đơn : Anh Bùi Đình D.

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Ninh Bình.

Thường trú: Phòng M, Lữ Đoàn A, Quân Đoàn B; Đóng tại: Thôn Q, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn : Chị Mai Thị H.

Địa chỉ: Xóm H, thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 09 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Đình D và chị Mai Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con: Giao cháu Bùi Thị Mai T, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2013 và cháu Bùi Thị Vân G, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2016 cho anh Bùi Đình D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T và cháu G đủ 18 tuổi. Chị Mai Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh D và không ai được cản trở việc thăm nom con chung.

Anh Bùi Đình D và chị Mai Thị H không có con riêng nên anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản: Anh Bùi Đình D và chị Mai Thị H không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ còn về đất nông nghiệp được chia cùng gia đình trước khi kết hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Bùi Đình D nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng đ- ợc khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002092 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh.Trả lại cho anh Bùi Đình D số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi gửi</u> :
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- THA DS huyện Yên Khánh.
- UBND xã H.
- Đương sự
- L- uhồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Phan Hữu Ý